

Bản án số: 01/2019/HNGĐ - PT.
Ngày 21 tháng 01 năm 2019
v/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Tiến;
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trường Sơn
Bà PB Thị Ái Nguyễn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ: Bà Nguyễn Thị Long Hà – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2018/TLPT- HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 46/2018/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2019/QĐXXPT - HNGĐ ngày 04/01/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Tổ 48, khu 5, P. X, TP. Y, T. Phú Thọ

2. Bị đơn: Anh Trần Văn B, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ 48, khu 5, P. X, TP. Y, T. Phú Thọ

Người kháng cáo: Anh Trần Văn B - Là bị đơn trong vụ án.

(Anh B, chị A có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị A trình bày: Chị và anh B kết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 18/9/2011 tại UBND xã C, huyện D, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn không thể khắc phục nên chị xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng một con chung là cháu Trần Hà E, sinh ngày 05/8/2011. Ly hôn chị xin trực tiếp nuôi con vì có nhà, có lương đủ điều kiện nuôi con, không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Công nợ, công sức đóng góp không có không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn B trình bày: Quan hệ hôn nhân như chị A trình bày là đúng nhất trí ly hôn. Về con chung anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu E vì anh có điều kiện về vật chất và tinh thần để nuôi con hơn chị A; có nhà ở thuê, có mức lương trên 12 triệu đồng/tháng, có thời gian đưa đón con học hành, chị A sống không gương mẫu nên không đủ tư cách dạy con. Tài sản chung, công nợ nhất trí như chị A trình bày.

Tại bản án số: 46/2018/HNGĐ-ST ngày 27/9/2018, Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các điều 81, 81, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

[1] Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị A và anh Trần Văn B.

[2] Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Hà E – sinh ngày 05/8/2011 cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị A do chị A không yêu cầu.

Chị A cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

[3] Về tài sản chung, về nợ: Chị A, anh B tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/10/2018 anh Trần Văn B kháng cáo quyết định của bản án về phần nuôi con chung; nội dung: Anh có chỗ ở ổn định như trong hồ sơ sơ thẩm. Anh có thu nhập nhiều hơn chị A, anh không phải nợ ngân hàng nhưng chị A thì phải nợ ngân hàng và một số cá nhân khác. Từ khi vợ chồng ly thân thì cháu E ở cùng anh, chị A không thăm nom chăm sóc gì đối với cháu. Cháu E có nguyện vọng ở với anh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh B giữ nguyên kháng cáo

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng. Về nội dung

đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm (Chi tiết trong bài phát biểu lưu hồ sơ vụ án)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về kháng cáo của anh B, Xét thấy:

Cháu Trần Hà E sinh ngày 05/8/2011. Sau khi sinh cháu thì anh B đi nghiên cứu sinh 5 năm chị A ở nhà trực tiếp nuôi cháu. Tuy cả hai đều có điều kiện nuôi con nhưng căn cứ quy định của pháp luật, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu E, cháu E là con gái rất cần thiết có sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ, nên Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu E cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, kháng cáo của anh B không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh B phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1] Không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Văn B. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 46/2018/HNGĐ-ST ngày 27/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Phú Thọ.

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các điều 81, 81, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị A và anh Trần Văn B.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Hà E – sinh ngày 05/8/2011 cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị A do chị A không yêu cầu.

Chị A cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, về nợ: Chị A, anh B tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2] Án phí phúc thẩm: Áp dụng Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án Anh Trần Văn

B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000315 ngày 11/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Y.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- TAND TP Y;
- THADS TP Y;
- Các đương sự;
- Lưu: HS;VA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

Nguyễn Việt Tiến

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TOÀ**

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN

Nguyễn Thị Thùy Hương

Nguyễn Trường Sơn

Nguyễn Việt Tiến

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- TAND huyện Hạ Hòa;
- THADS huyện Hạ Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu: HS;VA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Việt Tiến

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 27 tháng 4 năm 2018.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt Tiên**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Trường Sơn**;

Bà **PB Thị Ái Nguyễn**.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số:
06/2018/

TLPT- HNGĐ ngày 07/3/2018 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” giữa:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

1/Không chấp nhận kháng cáo của anh Tường Duy Thắng. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 19/2018/HNGĐ - ST ngày 31/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa.

Áp dụng điều 53, 54, 55, 59, 62 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, b khoản 5 Điều 27; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ánh và anh Tường Duy Thắng.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Ánh trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tường Duy Anh , sinh ngày 20/6/2013. Giao cho anh Tường Duy Thắng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tường Vy, sinh ngày 22/4/2011, kể từ tháng 02/2018 đến khi từng cháu thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Hai bên đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung theo quy định của pháp luật không bên nào được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Ánh được quyền sở hữu, quyền sử dụng các tài sản gồm:

- 01 nhà gỗ 3 gian lợp Fipro xi măng + lợp tôn trên diện tích đất là 49,8m² , trị giá: 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) tại khu 4, xã Hậu Bồng, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.

- 01 thửa đất diện tích 49,8m², tại tờ bản đồ số 08 thửa đất 540 tại khu 4, xã Hậu Bồng, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.

Vị trí và số đo các cạnh cụ thể có sơ đồ kèm theo .

Trị giá là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) .

Tổng trị giá tài sản giao cho chị Ánh là 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng).

Giao anh Tường Duy Thắng sở hữu và sử dụng các tài sản còn lại gồm:

1/ 01 xe máy Honda Wave Alpha BKS 21V2 3861 đứng tên Đỗ Thị Thùy trị giá: 4.000.000đ (Bốn triệu đồng);

- 2/ 01 tủ lạnh Sanaky trị giá: 3.000.000đ (Ba triệu đồng);
- 3/ 01 máy giặt Sanyo trị giá: 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng);
- 4/ 01 máy lọc nước trị giá: 2.000.000đ (Hai triệu đồng);
- 5/ 01 máy rửa xe + bơm hơi trị giá: 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng);
- 6/ 01 máy ép mía trị giá: 2.000.000đ (Hai triệu đồng);
- 7/ 01 bếp ga Trung quốc trị giá: 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng);
- 8/ 01 dàn loa âm ly + đầu đĩa trị giá: 3.000.000đ (Ba triệu đồng);
- 9/ 01 téc nước 1000 lít trị giá: 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng);

Tổng giá trị giao cho anh Thắng là 24.300.000đ (Hai mươi bốn triệu ba trăm nghìn đồng).

Chị Nguyễn Thị Ánh thanh toán chênh lệch tài sản cho anh Tường Duy Thắng là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về công nợ chung, công sức đóng góp: Chị Ánh, anh Thắng đều xác định không có, không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Ánh phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị Ánh đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003333 ngày 02/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa.

6. Về án phí chia tài sản: Chị Ánh phải nộp 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) nhưng được khấu trừ vào 1.000.000đ (Một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí chia tài sản chị Ánh đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003361 ngày 07/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa. Chị Ánh còn phải nộp 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Anh Thắng phải nộp 4.215.000đ (Bốn triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng)

2/ Án phí phúc thẩm: Anh Tường Duy Thắng phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003401 ngày 07/02/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Hội đồng biểu quyết với kết quả = 03/03 nhất trí nội dung trên.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....phút, ngày 27 tháng 4 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây./.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TOÀ**

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN

PB Thị Ái Nguyên

Nguyễn Trường Sơn

Nguyễn Việt Tiến

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM
TỈNH PHÚ THỌ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TRÍCH LỤC BẢN ÁN HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

Tại bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số:10/2018/TLPT-HNGĐ - PT ngày 29/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã xét xử về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" giữa:

3. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ánh**, sinh năm 1990.

4. Bị đơn: Anh **Tường Duy Thắng**, sinh năm 1983.

Đều trú tại: Khu 3, xã Hậu Bông, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ ĐÃ QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

1/Không chấp nhận kháng cáo của anh Tường Duy Thắng. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 19/2018/HNGĐ - ST ngày 31/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa.

Áp dụng điều 53, 54, 55, 59, 62 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, b khoản 5 Điều 27; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ánh và anh Tường Duy Thắng.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Ánh trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tường Duy Anh , sinh ngày 20/6/2013. Giao cho anh Tường Duy Thắng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tường Vy, sinh ngày 22/4/2011, kể từ tháng 02/2018 đến khi từng cháu thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Hai bên đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung theo quy định của pháp luật không bên nào được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Ánh được quyền sở hữu, quyền sử dụng các tài sản gồm:

- 01 nhà gỗ 3 gian lợp Fipro xi măng + lợp tôn trên diện tích đất là 49,8m² , trị giá: 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) tại khu 4, xã Hậu Bông, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.

- 01 thửa đất diện tích 49,8m², tại tờ bản đồ số 08 thửa đất 540 tại khu 4, xã Hậu Bông, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.

Vị trí và số đo các cạnh cụ thể có sơ đồ kèm theo .

Trị giá là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) .

Tổng trị giá tài sản giao cho chị Ánh là 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng).

Giao anh Tường Duy Thắng sở hữu và sử dụng các tài sản còn lại gồm:

1/ 01 xe máy Honda Wave Alpha BKS 21V2 3861 đứng tên Đỗ Thị Thùy trị giá: 4.000.000đ (Bốn triệu đồng);

2/ 01 tủ lạnh Sanaky trị giá: 3.000.000đ (Ba triệu đồng);

3/ 01 máy giặt Sanyo trị giá: 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng);

4/ 01 máy lọc nước trị giá: 2.000.000đ (Hai triệu đồng);

5/ 01 máy rửa xe + bơm hơi trị giá: 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng);

6/ 01 máy ép mía trị giá: 2.000.000đ (Hai triệu đồng);

7/ 01 bếp ga Trung quốc trị giá: 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng);

8/ 01 dàn loa âm ly + đầu đĩa trị giá: 3.000.000đ (Ba triệu đồng);

9/ 01 téc nước 1000 lít trị giá: 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng);

Tổng giá trị giao cho anh Thắng là 24.300.000đ (Hai mươi bốn triệu ba trăm nghìn đồng).

Chị Nguyễn Thị Ánh thanh toán chênh lệch tài sản cho anh Tường Duy Thắng là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về công nợ chung , công sức đóng góp: Chị Ánh, anh Thắng đều xác định không có , không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Ánh phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị Ánh đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003333 ngày 02/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa.

6. Về án phí chia tài sản: Chị Ánh phải nộp 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) nhưng được khấu trừ vào 1.000.000đ (Một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí chia tài sản chị Ánh đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003361 ngày 07/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa. Chị Ánh còn phải

nộp 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Anh Thắng phải nộp 4.215.000đ (Bốn triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng)

2/ Án phí phúc thẩm: Anh Tường Duy Thắng phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003401 ngày 07/02/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Việt Tiến

